

Số: 01/BCCM-THCSĐM

Đăk Mâm, ngày tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO SƠ KẾT HKI CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC CHUYÊN
MÔN TRONG HỌC KỲ II. NĂM HỌC 2025 – 2026**

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên,

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ Công văn số 4555/BGDĐT-GDTrH ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026;

Thực hiện kế hoạch năm học 2025 - 2026 của trường THCS Đăk Mâm.

Được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Phòng VH - XH xã Krông Nô, Đảng ủy, chính quyền địa phương và chi bộ nhà trường. Trong học kỳ 1 vừa qua tập thể sư phạm nhà trường đã không ngừng phấn đấu và đạt được những kết quả như sau.

A. KẾT QUẢ

I. CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Ưu điểm:

- Theo kế hoạch thời gian tại quyết định số 748 của UBND tỉnh Lâm Đồng, năm học 2025-2026 nhà trường bắt đầu tổ chức dạy và học của HKI từ ngày 05/09/2025 đến trước ngày 18/01/2026 (Khai giảng ngày 05/09) và tổ chức kiểm tra học kỳ I theo đúng hướng dẫn của Sở Giáo Dục. Đảm bảo kết thúc học kỳ I đúng thời gian quy định.

- Hướng dẫn các tổ chuyên môn rà soát lại chương trình dạy học, giải quyết – khắc phục những vướng mắc trong việc thực hiện chương trình theo phân môn, thực hiện xây dựng và rà soát PPCTr cho tất cả các khối, xây dựng PPCTr môn GDĐP đúng hướng dẫn của SGD theo địa giới hành chính mới cho tất cả khối 6,7,8, 9, ra quyết định ban hành và tổ chức thực hiện.

- Tất cả giáo viên đã thực hiện nghiêm túc việc giảng dạy, đảm bảo không bỏ tiết, bỏ giờ hay cắt xén chương trình.

- Nhà trường có kế hoạch dạy bù cho những ngày nghỉ lễ và các ngày nghỉ do hoạt động chung của Trường của xã.

- Giáo viên bộ môn đã xây dựng đề cương cho học sinh ôn tập, hệ thống hóa kiến thức của môn học trong học kỳ I để các em ôn tập và kiểm tra cuối kỳ 1.

- Đã thực hiện phụ đạo HS yếu – kém bằng cách lồng ghép trong từng tiết dạy, công tác này đã được giáo viên triển khai từ tháng 9.

- Thực hiện dạy HDTN ở khối 6,7,8,9 theo PPCTr, đảm bảo 100% trong thời lượng học chính khóa trên lớp.

- Tổ chức bồi dưỡng , tập huấn lồng ghép ANQP và khung năng lực số cho GV và HS nhằm thực hiện hiệu quả chương trình GDPT 2018.

- Tổ chức hướng dẫn học sinh tham gia thi Olympic tiếng Anh, giải toán trên mạng theo đúng kế hoạch của trường, của Ban Tổ Chức, các em đã hoàn thành các vòng thi tự luyện và vòng thi cấp trường, cấp cụm xã từ ngày 06-12/01/2026.

2. Tồn tại:

- Việc tổ chức phụ đạo HS yếu – kém ở các môn vẫn còn rất ít.

II. CÔNG TÁC DUY TRÌ SĨ SỐ:

1. Ưu điểm:

- Phần lớn GVCN đã kết hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp và Tổng phụ trách Đội để quản lý tốt số lượng học sinh, hạn chế tối đa số học sinh bỏ học trong học kỳ I.

- Động viên kịp thời những học sinh có ý định bỏ học trở lại trường và tạo điều kiện giúp đỡ cho những em học sinh có điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Đa số học sinh đi học chuyên cần, có ý thức học tập khá tốt. Tuy nhiên tình trạng nghỉ học, bỏ tiết không có lý do vẫn còn.

- Hầu hết các lớp đều có nề nếp học tập ổn định, chấp hành nghiêm túc nội quy của nhà trường.

Tỷ lệ duy trì sĩ số toàn trường HKI.

Khối	Số HS đầu năm	Số HS cuối hk1	Giảm so với đầu năm	Tỷ lệ	Số bỏ học	Tỷ lệ bỏ học	Kiểm tra
6	210	209	-1	0,99%	1	0.13%	
7	197	198	+1		0		
8	230	229	-1	0,99%	1	0.13%	
9	153	151	-2	0,98%	2	0.25%	
Cộng:	790	787	-3	0,99%	4	0,51%	

2. Tồn tại:

- Tỷ lệ chuyên cần của học sinh một số lớp chưa cao, vẫn còn nhiều học sinh nghỉ học không có lý do, đặc biệt là các buổi học bù vào buổi chiều.

- Số lượng học sinh là đồng bào dân tộc tại chỗ thường xuyên nghỉ học, cúp tiết hoặc đi muộn .

III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Việc thực hiện quy chế chuyên môn:

- Đa số giáo viên giảng dạy thực hiện tốt quy chế chuyên môn, giờ giấc lao

động, không bỏ tiết, bỏ lớp.

- Thực hiện giảng dạy theo đúng KHGD của khối 6789.
- Hoàn thành tốt các loại hồ sơ cá nhân qua các đợt kiểm tra của chuyên môn và tổ chuyên môn. Cập nhật đầy đủ thông tin của lớp và phân môn phụ trách trong các loại hồ sơ theo yêu cầu.
- Thực hiện soạn giảng nghiêm túc theo hướng đổi mới phương pháp dạy học.
- Phần lớn giáo viên lên lịch báo giảng, giáo án lên phần mềm trong thứ 7 và chủ nhật thuận lợi cho công tác kiểm tra.
- Thực hiện chế độ cho điểm theo TT22 của Bộ GD&ĐT. Tỷ lệ điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ qua các lần kiểm tra của nhà trường tương đối đạt tiến độ đề ra. Cuối kỳ nhận xét sự tiến bộ của học sinh cụ thể, rõ ràng.
- Hoàn thành chương trình học kỳ I với 18 tuần thực học.

*** Tồn tại:**

- Nhiều GVCN và GVBM chưa làm tốt công tác cập nhật thông tin vào sổ đầu bài(tên bài, xếp loại giờ dạy...). Ở sổ đầu bài nhiều lớp bảo quản chưa tốt.
- Rất nhiều GVBM chưa nhập điểm đúng theo tiến độ dạy học;
- Còn giáo viên vi phạm QCCM trong HKII để nhà trường phải lập Biên bản.

2. Chất lượng mũi nhọn và CL 2 mặt.

2.1. Chất lượng mũi nhọn.

2.1.1. Học sinh giỏi.

- Năm học 2025 – 2026 do sáp nhập tỉnh nên theo KH của của SGD – ĐT Lâm Đông thì các môn văn hóa SGD không tổ chức thi, chỉ tổ chức thi KHKT cấp Tỉnh.
- Tuy nhiên, để tiếp tục duy trì phong trào Dạy Học Bồi dưỡng để luôn có đội tuyển sẵn sàng tham gia thi khi các ngành các cấp phát động nên nhà trường vẫn tổ chức thi cấp trường vào HKII. Nhà trường đã có HK triển khai thi HSG cấp trường ngay từ đầu năm, Đầu HKII nhà trường sẽ tiến hành ban hành các HK chi tiết và dự kiến sẽ tổ chức vào đầu tháng 3 năm 2026.
- Tính đến thời điểm ngày 15 tháng 1 thì sản phẩm **KHKT** của nhà trường đã lọt vào chung khảo cấp tỉnh cấp Tỉnh.
- Các môn trên mạng chỉ là sân chơi cho cá em nhưng nhà trường vẫn tiếp tục tổ chức để các em có dịp cọ sát và kiểm tra kết quả học tập của mình. Tiinhs đến hết HKI các em đã hoàn thành vòng thi cấp xã/Phường.

2.2. Kết quả chất lượng 2 mặt HKI.

a) Kết quả học tập k6,7,8,9

STT	Lớp	Số số	Kết quả học tập							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		785	274	34,90%	273	34,78%	211	26,88%	27	3,44%
Khối 6		208	71	34,13%	75	36,06%	53	25,48%	9	4,33%

1	6C1	36	5	13,89%	13	36,11%	14	38,89%	4	11,11%
2	6C2	34	6	17,65%	9	26,47%	17	50,00%	2	5,88%
3	6C3	43	4	9,30%	19	44,19%	17	39,53%	3	6,98%
4	6C4	48	37	77,08%	11	22,92%	0	0,00%	0	0,00%
5	6C5	47	19	40,43%	23	48,94%	5	10,64%	0	0,00%
Khối 7		197	63	31,98%	77	39,09%	52	26,40%	5	2,54%
6	7B1	32	1	3,13%	12	37,50%	17	53,13%	2	6,25%
7	7B2	44	4	9,09%	24	54,55%	16	36,36%	0	0,00%
8	7B3	33	3	9,09%	11	33,33%	16	48,48%	3	9,09%
9	7B4	44	16	36,36%	25	56,82%	3	6,82%	0	0,00%
10	7B5	44	39	88,64%	5	11,36%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 8		229	76	33,19%	78	34,06%	66	28,82%	9	3,93%
11	8A1	33	0	0,00%	8	24,24%	23	69,70%	2	6,06%
12	8A2	33	0	0,00%	14	42,42%	17	51,52%	2	6,06%
13	8A3	32	1	3,13%	14	43,75%	14	43,75%	3	9,38%
14	8A4	44	38	86,36%	6	13,64%	0	0,00%	0	0,00%
15	8A5	45	25	55,56%	19	42,22%	1	2,22%	0	0,00%
16	8A6	42	12	28,57%	17	40,48%	11	26,19%	2	4,76%
Khối 9		151	64	42,38%	43	28,48%	40	26,49%	4	2,65%
17	9A1	33	2	6,06%	6	18,18%	23	69,70%	2	6,06%
18	9A2	43	17	39,53%	22	51,16%	4	9,30%	0	0,00%
19	9A3	30	3	10,00%	12	40,00%	13	43,33%	2	6,67%
20	9A4	45	42	93,33%	3	6,67%	0	0,00%	0	0,00%

b) Kết quả rèn luyện k6,7,8,9.

STT	Lớp	Số	Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		785	738	94,01%	47	5,99%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 6		208	199	95,67%	9	4,33%	0	0,00%	0	0,00%
1	6C1	36	32	88,89%	4	11,11%	0	0,00%	0	0,00%
2	6C2	34	32	94,12%	2	5,88%	0	0,00%	0	0,00%
3	6C3	43	40	93,02%	3	6,98%	0	0,00%	0	0,00%
4	6C4	48	48	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
5	6C5	47	47	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 7		197	182	92,39%	15	7,61%	0	0,00%	0	0,00%
6	7B1	32	26	81,25%	6	18,75%	0	0,00%	0	0,00%
7	7B2	44	44	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
8	7B3	33	27	81,82%	6	18,18%	0	0,00%	0	0,00%
9	7B4	44	41	93,18%	3	6,82%	0	0,00%	0	0,00%
10	7B5	44	44	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 8		229	216	94,32%	13	5,68%	0	0,00%	0	0,00%
11	8A1	33	31	93,94%	2	6,06%	0	0,00%	0	0,00%
12	8A2	33	30	90,91%	3	9,09%	0	0,00%	0	0,00%
13	8A3	32	28	87,50%	4	12,50%	0	0,00%	0	0,00%
14	8A4	44	43	97,73%	1	2,27%	0	0,00%	0	0,00%
15	8A5	45	44	97,78%	1	2,22%	0	0,00%	0	0,00%
16	8A6	42	40	95,24%	2	4,76%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 9		151	141	93,38%	10	6,62%	0	0,00%	0	0,00%

17	9A1	33	25	75,76%	8	24,24%	0	0,00%	0	0,00%
18	9A2	43	43	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
19	9A3	30	28	93,33%	2	6,67%	0	0,00%	0	0,00%
20	9A4	45	45	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%

*** Tồn tại:**

- Tỷ lệ học lực chưa đạt ở khối 6 số lượng 9 em chiếm tỷ lệ **4,33%** và khối 8 số lượng 9 em chiếm tỷ lệ **3,93%** còn cao.

- Đặc biệt học lực ở khối 9 có lớp 9a1 và lớp 9a3 tỷ lệ **Chưa Đạt** lần lượt là 6,06% và 6,67%..

3. Đổi mới phương pháp dạy học:

- Tất cả cán bộ, giáo viên đều xác định tầm quan trọng của việc đổi mới PPDH và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất năng lực cho học sinh nên đã đầu tư thời gian và trí tuệ vào việc đổi mới từ bài soạn cho đến các tiết dạy trên lớp.

- Giáo viên đã nhận thức được việc đổi mới pp dạy học là cần thiết và cấp thiết, nhận thức của đại đa số giáo viên đã thay đổi, các buổi sinh hoạt chuyên môn chuyên đề kết hợp với tình hình thực tế học tập của học sinh đã được đưa ra bàn bạc, các giờ dạy theo PC, NL ngày một hoàn thiện hơn.

- Thực hiện các tiết Stem, TNST đúng theo kế hoạch đề ra. Giáo viên đã quen với dạy Stem nên đã thực hiện một cách thành thạo.

- Nhiều tiết ứng dụng CNTT rất hiệu quả. Nhiều giáo viên rất tích cực trong công tác UDCNTT trong dạy học, sản phẩm số của học sinh thu được là ngoài mong đợi của giáo viên.

*** Tồn tại:**

- Vẫn còn một số giáo viên vẫn chưa tích cực trong việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy.

- Nhiều giáo án còn chưa thể hiện được nội dung đổi mới PP, nhìn chung vẫn còn một số GV chưa đầu tư thời gian và công sức thỏa đáng nên chất lượng giáo dục chưa cao.

4. Công tác khai thác sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học và phòng học bộ môn:

- Phần lớn giáo viên đã tích cực sử dụng thiết bị - ĐDDH trong các tiết dạy hàng ngày.

- Giáo viên giảng dạy bộ môn Vật lí, Hóa học, Sinh, Công nghệ, Tin học, Anh văn, Mỹ thuật, Âm nhạc đã tích cực khai thác hiệu quả các thiết bị dạy học và phòng học bộ môn.

*** Tồn tại:**

- Một số phòng học bộ môn của một số môn công tác vệ sinh chưa đảm bảo;

5. Công tác kiểm tra – đánh giá:

- Đã tiến hành kiểm tra hồ sơ cá nhân của GVBM theo kế hoạch.

Kết quả: 100% đạt từ khá trở lên

- Tổ chức thực hiện việc ra đề kiểm tra học kỳ I đúng theo CV 7991 của BGDĐT,

có ma trận, đặc tả đề theo hướng mới nhằm đánh giá toàn diện hs.

- Tổ chức kiểm tra giữa HKI, cuối học kì I, an toàn, nghiêm túc, khách quan.
- Công tác chấm trả bài nghiêm túc, kịp thời, hoàn thành các loại báo cáo sau kiểm tra kịp thời, đúng yêu cầu của nhà trường.
- Việc nhận xét sự tiến bộ của HS được toàn bộ GV thực hiện nghiêm túc.

*** Tồn tại:**

- Việc coi kiểm tra tập trung vẫn còn một vài đ/c chưa nghiêm túc, công tác vệ sinh trong những ngày kiểm tra tập trung nhiều phòng còn bẩn.
- Vẫn còn giáo viên coi kiểm tra cho học sinh ra sớm quá với thời gian quy định.
- Việc ra đề và duyệt đề còn nhiều sai sót, điều này cần phải rút kinh nghiệm ở HKII.

6. Công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng của giáo viên:

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên, đặc biệt là bồi dưỡng để đáp ứng cho chương trình GDPT mới thông qua các Module BDTX trên mạng.
- Nhà trường đã cử giáo viên tham gia tập huấn các lớp bồi dưỡng Kiểm tra đánh giá, Khung năng lực số, lồng ghép ANQP và bài dạy....do sở giáo dục tổ chức.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHUYÊN MÔN:

- Các tổ chuyên môn hoạt động tương đối nề nếp.
- Tổ chuyên môn đã chỉ đạo công tác đổi mới PPDH theo các nhóm bộ môn.
- Các tổ chuyên môn đã hoàn thành các loại hồ sơ theo quy định.
- Hoàn thành các kế hoạch do nhà trường đề ra.

*** Tồn tại:**

- Việc lập và triển khai kế hoạch của một vài tổ đôi khi còn chậm, nhà trường còn phải nhắc và đôn đốc.
- Một số tổ chuyên môn chưa duy trì chế độ sinh hoạt đúng thời gian quy định.
- Việc báo cáo nhiều khi không kịp thời.
- Công tác kiểm tra của một vài tổ chưa tốt để tổ viên của tổ mình vi phạm QCCM, Nhập điểm PM chậm... dẫn đến ảnh hưởng để thống kê báo cáo của nhà trường.

V. CÁC CÔNG TÁC KHÁC.

- Thực hiện tốt các phong trào thi đua dạy và học chào mừng các ngày lễ kỷ niệm trong năm.
- Tổ chức ngoại khóa đúng theo KH đã đăng ký
- Thực hiện tốt việc lao động vệ sinh trường lớp, giữ gìn bảo vệ khuôn viên trường luôn sạch sẽ, thoáng mát.

VI. XẾP LOẠI THI ĐUA HKI.

STT	Họ và tên	Tổ Xếp loại	Nhà trường Xếp loại (Căn cứ vào)	Ghi chú
-----	-----------	-------------	----------------------------------	---------

			CLBM)	
1	Dương Thị Hằng Lênh	HT tốt NV	HT tốt NV	
2	Trương Thị Như Thảo	HT tốt NV	HT tốt NV	
3	Nguyễn Thị Ngọc Ly	HT tốt NV	HT tốt NV	
4	Nguyễn Thị Ngọc	HT tốt NV	HT tốt NV	
5	Trương Minh Tư	HT tốt NV	HT tốt NV	
6	Ngô Thị Diệu Trang	HT tốt NV	HT tốt NV	
7	Nguyễn Thị Phương	HT tốt NV	HT tốt NV	
8	Nguyễn Trường Giang	HT tốt NV	HT tốt NV	
9	Trần Việt Phong	HT tốt NV	HT NV	<i>CLBM không đảm bảo (Khtn 8,33%)</i>
10	Nguyễn Thị Yên	HT tốt NV	HT tốt NV	
11	Huỳnh Văn Ái	HT tốt NV	HT tốt NV	
12	Nguyễn Thị Hồng Sâm	HTNV	HT NV	
13	Lê thị Long Thành	HT tốt NV	HT tốt NV	
14	Lê Chí Linh	HT tốt NV	HT NV	<i>CLBM không đảm bảo</i>
15	Biện Thị Nhiên	HTNV	HTNV	<i>CLBM không đảm bảo</i>
16	Hoàng Thị hồng Thẩm	HTNV	HTNV	<i>CLBM không đảm bảo</i>
17	Lê Ngọc Lâm	HT tốt NV	HT tốt NV	
18	Lê Đức Khanh	HT tốt NV	HT tốt NV	
19	Nguyễn Xuân Mạnh	HT tốt NV	HT tốt NV	
20	Lê Thị Thanh Huyền	HT tốt NV	HT tốt NV	
21	Trần Thị Thu Hồng	HTNV	HTNV	<i>CLBM không đảm bảo</i>
22	Hán Thị Thùy Trang	HT tốt NV	HT tốt NV	
23	Nguyễn Hải Đường	HT tốt NV	HT tốt NV	
24	Bùi Thị Thanh Thúy			Biệt phái
25	Lê Thị Kim Thi	HT tốt NV	HTNV tốt	
26	Phan Thị Hoài	HTNV	HTNV	<i>CLBM không đảm bảo</i>
27	Bùi Thị Thúy	HTNV	HTNV	<i>Vi phạm QCCM</i>
28	Trần Thị Duyệt	HTNV	HTNV	<i>CLBM không đảm bảo</i>
29	Võ Thị quỳnh	HTNV	HTNV	<i>CLBM không đảm bảo</i>
30	Đặng Thị Ngân	HTNV	HTNV	<i>CLBM không đảm bảo</i>
31	Nguyễn Thị Thanh Xuân	HTNV	HTNV	<i>CLBM không đảm bảo</i>

32	Nguyễn Thị Phương	HT tốt NV	HT tốt NV	
33	Nguyễn Thủy Nguyên	HT tốt NV	HT tốt NV	
34	Phạm Thị Minh Khuê			Nghỉ sinh
35	Võ Công Bằng	HT tốt NV	HT tốt NV	
36	Phan Thị Minh Thảo	HT tốt NV	HT tốt NV	
37	Lê Trọng Hiệu	HT tốt NV	HT tốt NV	

(CLBM của giáo viên thể hiện ở PL1 bên dưới)

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KÌ II NĂM HỌC 2025-2026

1. Phương hướng chung

Định hướng nhà trường phát triển toàn diện về mọi mặt, ưu tiên nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của học sinh, đổi mới căn bản phương pháp dạy học theo định hướng phẩm chất, năng lực học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn.

Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện để học sinh yên tâm học tập. Bổ sung trang thiết bị cho khối 7,8,9 đảm bảo cho công tác dạy và học của thầy, trò. Nâng cao ý thức của cán bộ giáo viên trong thực hiện công việc được giao với công tác giáo dục học sinh. Đạt kết quả cao trong kì thi Sáng tạo trẻ.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

a) Tập trung chỉ đạo, thực hiện đổi mới KTĐG, đổi mới PPDH, tạo ra sự chuyển biến cơ bản về tổ chức hoạt động dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành gắn với việc đổi mới giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của CBQL, GV, NV và HS, tạo sự chuyển biến tích cực và rõ nét về chất lượng giáo dục.

c) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; nâng cao vai trò của việc thực hiện kỷ cương, nề nếp quản lý dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục, kiểm tra, đánh giá vừa đảm bảo Dạy và Học vừa không quên công tác phòng chống dịch theo mùa

d) Tích cực bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL, GV; chú trọng bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, bồi dưỡng về đổi mới PPDH, KTĐG; tiếp tục phát triển đội ngũ GV cốt cán của trường; tăng cường vai trò và chất lượng hoạt động của tổ bộ môn; nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ GV chủ nhiệm lớp trong việc quản lý, tổ chức, phối hợp giáo dục toàn diện HS.

e) Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng và giáo dục hướng nghiệp cho HS để nâng cao nhận thức và động lực học tập.

f) Đẩy mạnh các phong trào thi đua để tạo động lực cho cán bộ, giáo viên và học sinh thi đua, phấn đấu lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm.

3. Các biện pháp, giải pháp chính

3.1. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý

Thực hiện tốt hơn quyền chủ động của các bộ phận trong nhà trường, phân cấp

quản lý giáo dục. Tập trung thực hiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CBQL, nâng cao vai trò của tổ trưởng chuyên môn, GV, NV và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng CNTT vào công tác quản lý, dạy học; khai thác sử dụng có hiệu quả trang Web của nhà trường và của Sở GD&ĐT. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, thực hiện tin học hóa công tác quản lý.

Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho CBGV, NV và HS trong nhà trường; đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, ý thức trách nhiệm xã hội cho HS.

3.2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục

Tiếp tục triển khai có hiệu quả, sáng tạo các cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh*"; "*Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*".

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện đổi mới PPDH, KTĐG theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông mới. Triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện; tăng cường các giải pháp để giảm tỷ lệ HS yếu kém và HS bỏ học.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương tiếp tục triển khai nội dung "cổng trường an toàn" và thực hiện luật ATGT.

Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho CBGV, NV và HS; đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng thực hành, ý thức trách nhiệm xã hội cho HS.

Tổ chức tốt các cuộc thi do Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo phát động.

Trên đây là báo cáo sơ kết công tác chuyên môn ở HKI năm học 2025-2026 của trường THCS TT Đắk Mâm. Rất mong được các đồng chí đóng góp ý kiến để bản báo cáo được đầy đủ hơn. Xin cảm ơn.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng: b/c
- Tổ CM
- Lưu: CM,VP.

P.HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Huy Liêm

PHỤ LỤC 1. THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN HKI. NH 2025 – 2026

1. Tổ Toán – Tin - Nghệ Thuật.

1.1. Môn Toán.

S T T	Giáo viên	Số số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Đạt trở lên	
			0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG BỘ MÔN		785	78	9,94%	191	24,33%	238	30,32%	278	35,41%	707	90,06%
1	Lê Chí Linh	141	9	6,38%	64	45,39%	41	29,08%	27	19,15%	132	93,62%
2	Biện Thị Nhiên	161	9	5,59%	23	14,29%	56	34,78%	73	45,34%	152	94,41%
3	Nguyễn Thị Hồng Sâm	160	20	12,50%	28	17,50%	48	30,00%	64	40,00%	140	87,50%
4	Hoàng Thị Hồng Thắm	159	32	20,13%	37	23,27%	53	33,33%	37	23,27%	127	79,87%
5	Lê Thị Long Thành	164	8	4,88%	39	23,78%	40	24,39%	77	46,95%	156	95,12%

1.2. Môn Tin.

S T T	Giáo viên	Số số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Đạt trở lên	
			0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG BỘ MÔN		785	8	1,02%	203	25,86%	252	32,10%	322	41,02%	777	98,98%
1	Lê Đức Khanh	208	0	0,00%	55	26,44%	52	25,00%	101	48,56%	208	100,00%
2	Lê Ngọc Lâm	500	8	1,60%	145	29,00%	177	35,40%	170	34,00%	492	98,40%
3	Trình Huy Liêm	77	0	0,00%	3	3,90%	23	29,87%	51	66,23%	77	100,00%

1.3. Môn Nghệ Thuật

STT	Giáo viên	Số số	Đạt		Chưa đạt	
			SL	TL	SL	TL
TỔNG BỘ MÔN		1574	1574	100,00%	0	0,00%
1	Lê Thị Thanh Huyền	505	505	100,00%	0	0,00%
2	Lê Đức Khanh	282	282	100,00%	0	0,00%
3	Nguyễn Xuân Mạnh	787	787	100,00%	0	0,00%

2. Tổ KHTN – Năng Khiếu.

2.1. Môn KHTN

S T T	Giáo viên	Số số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Đạt trở lên	
			0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG BỘ MÔN		2278	37	1,62%	471	20,68%	692	30,38%	1078	47,32%	2241	98,38%
1	Nguyễn Trường Giang	34	0	0,00%	11	32,35%	12	35,29%	11	32,35%	34	100,00%
2	Dương Thị Hằng Lênh	251	0	0,00%	16	6,37%	60	23,90%	175	69,72%	251	100,00%
3	Nguyễn Thị Ngọc Ly	359	6	1,67%	76	21,17%	113	31,48%	164	45,68%	353	98,33%
4	Nguyễn Thị Ngọc	518	3	0,58%	104	20,08%	160	30,89%	251	48,46%	515	99,42%
5	Trần Việt Phong	36	3	8,33%	6	16,67%	15	41,67%	12	33,33%	33	91,67%
6	Trương Thị Như Thảo	229	0	0,00%	45	19,65%	74	32,31%	110	48,03%	229	100,00%
7	Ngô Thị Diệu Trang	556	14	2,52%	122	21,94%	167	30,04%	253	45,50%	542	97,48%
8	Trương Minh Tư	175	8	4,57%	75	42,86%	68	38,86%	24	13,71%	167	95,43%
9	Nguyễn Thị Yên	120	3	2,50%	16	13,33%	23	19,17%	78	65,00%	117	97,50%

2.2. Môn Công nghệ.

S T T	Giáo viên	Số số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Đạt trở lên	
			0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG BỘ MÔN		785	0	0,00%	90	11,46%	218	27,77%	477	60,76%	785	100,00%
1	Nguyễn Thị Phương (B)	413	0	0,00%	36	8,72%	77	18,64%	300	72,64%	413	100,00%
2	Nguyễn Thị Ngọc Ly	34	0	0,00%	5	14,71%	13	38,24%	16	47,06%	34	100,00%
3	Trương Thị Như Thảo	109	0	0,00%	29	26,61%	55	50,46%	25	22,94%	109	100,00%
4	Trương Minh Tư	229	0	0,00%	20	8,73%	73	31,88%	136	59,39%	229	100,00%

2.3. Môn GDTC.

STT	Giáo viên	Số số	Đạt		Chưa đạt	
			SL	TL	SL	TL
TỔNG BỘ MÔN		787	787	100,00%	0	0,00%
1	Huỳnh Văn Ái	154	154	100,00%	0	0,00%
2	Nguyễn Trường Giang	240	240	100,00%	0	0,00%
3	Trần Viết Phong	242	242	100,00%	0	0,00%
4	Nguyễn Thị Yên	151	151	100,00%	0	0,00%

3. Tổ NN.

STT	Giáo viên	Số số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Đạt trở lên	
			0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG BỘ MÔN		785	37	4,71%	199	25,35%	213	27,13%	336	42,80%	748	95,29%
1	Trần Thị Thu Hồng	152	14	9,21%	43	28,29%	39	25,66%	56	36,84%	138	90,79%
2	Lê Thị Kim Thi	230	10	4,35%	80	34,78%	84	36,52%	56	24,35%	220	95,65%
3	Hán Thị Thùy Trang	208	10	4,81%	42	20,19%	42	20,19%	114	54,81%	198	95,19%
4	Nguyễn Hải Đường	195	3	1,54%	34	17,44%	48	24,62%	110	56,41%	192	98,46%

4. Tổ Ngữ Văn - KHXH.

4.1. Ngữ Văn.

STT	Giáo viên	Số số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Đạt trở lên	
			0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG BỘ MÔN		785	51	6,50%	208	26,50%	306	38,98%	220	28,03%	734	93,50%
1	Trần Thị Duyệt	120	7	5,83%	15	12,50%	56	46,67%	42	35,00%	113	94,17%
2	Phan Thị Hoài	153	12	7,84%	43	28,10%	66	43,14%	32	20,92%	141	92,16%
3	Đặng Thị Ngân	134	7	5,22%	26	19,40%	54	40,30%	47	35,07%	127	94,78%
4	Võ Thị Quỳnh	161	13	8,07%	42	26,09%	69	42,86%	37	22,98%	148	91,93%
5	Bùi Thị Thuý	108	5	4,63%	44	40,74%	25	23,15%	34	31,48%	103	95,37%
6	Nguyễn Thị Thanh Xuân	109	7	6,42%	38	34,86%	36	33,03%	28	25,69%	102	93,58%

4.2. Môn LS&ĐL.

S T T	Giáo viên	Số số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Đạt trở lên	
			0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL

TỔNG BỘ MÔN		1799	9	0,50%	373	20,73%	566	31,46%	851	47,30%	1790	99,50%
1	Nguyễn Thị Phương (A)	359	0	0,00%	70	19,50%	124	34,54%	165	45,96%	359	100,00%
2	Võ Công Bằng	426	3	0,70%	94	22,07%	123	28,87%	206	48,36%	423	99,30%
3	Lê Trọng Hiệu	223	0	0,00%	72	32,29%	74	33,18%	77	34,53%	223	100,00%
4	Lương Thị Xuân Hương	48	0	0,00%	0	0,00%	3	6,25%	45	93,75%	48	100,00%
5	Phạm Thị Minh Khuê	229	3	1,31%	45	19,65%	72	31,44%	109	47,60%	226	98,69%
6	Nguyễn Thủy Nguyên	424	3	0,71%	69	16,27%	133	31,37%	219	51,65%	421	99,29%
7	Hoàng Đức Thuận	90	0	0,00%	23	25,56%	37	41,11%	30	33,33%	90	100,00%

4.3. Môn GDCD

STT	Giáo viên	Số số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Đạt trở lên	
			0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG BỘ MÔN		785	5	0,64%	111	14,14%	215	27,39%	454	57,83%	780	99,36%
1	Lê Trọng Hiệu	197	0	0,00%	18	9,14%	47	23,86%	132	67,01%	197	100,00%
2	Phan Thị Minh Thảo	588	5	0,85%	93	15,82%	168	28,57%	322	54,76%	583	99,15%
